

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 92/2019/DS-ST.
Ngày 05 – 7 – 2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Nhân.

Ông Tạ Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST – DS, ngày 18 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST – DS, ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2019/QĐST – DS ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thới Hoà B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Danh N (Tên gọi khác: Danh M). (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào ngày 24/3/2018 âm lịch, ông Danh M thay mặt nông dân ở ấp 7, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh có hợp đồng bán lúa tươi cho ông với số lượng là 60 công đất và nhận tiền cọc của ông số tiền 18.000.000 đồng. Hẹn ngày 05/5/2018 âm lịch sẽ giao nhận lúa. Đến ngày nêu trên ông có kê 02 chiếc ghe đến nhận lúa, nhưng ông Danh M chỉ giao cho ông được 10 tấn lúa tươi, trừ

tiền cọc chỉ có 10 triệu đồng, số tiền còn lại 8.000.000 đồng ông Danh M hứa trả lại cho ông nhưng sau đó hẹn hết lần này đến lần khác không chịu trả. Sau đó ông làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Vị Tân nhờ giải quyết thì ông Danh M hứa đến ngày 20/9/2018 âm lịch là thời hạn cuối cùng để trả nợ, nhưng đến nay ông Danh M vẫn không thực hiện. Nay ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông Danh N (Danh M) phải có trách nhiệm trả số tiền mua bán còn nợ lại là 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu như trước đây.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Danh N (Danh M) đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và chưa đưa ra yêu cầu của mình. Tại phiên tòa bị đơn là ông Danh N (Danh M) vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Văn T có nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là Hợp đồng mua bán lúa tươi lập ngày 24/3/2018 âm lịch (bản chính) và biên bản hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân ngày 03/8/2018. Ông Danh N (Danh M) không có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn T khởi kiện đối với ông Danh N (Danh M) yêu cầu trả số tiền theo hợp đồng mua bán đã nhận nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Danh N (Danh M) có nơi cư trú khi xác lập giao dịch tại ấp 7, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Danh N (Danh M) có hợp đồng mua bán lúa tươi với ông Trần Văn T, đã nhận của ông Tấn số tiền 18.000.000 đồng, sau đó khấu trừ được 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 8.000.000 đồng là vấn đề có thật, do được ông Danh N (Danh M) thừa nhận tại buổi hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân ngày 03/8/2018, hẹn đến ngày 03/8/2018 trả hết nợ, nhưng đến nay ông Danh N (Danh M) vẫn chưa thanh toán số tiền này là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các đương sự đến Tòa án hòa giải để trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ nhưng ông Danh N (Danh M) đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông Danh N (Danh M) cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh là đã trả hết nợ cho ông Tấn. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập

được có trong hồ sơ vụ việc”. Do ông Danh N (Danh M) không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là không còn nợ ông Tấn, nên Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Danh N (Danh M) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về phần tiền lãi suất: Tại phiên tòa ông Trần Văn T không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số nợ trên là trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Danh N (Danh M) phải chịu. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với ông Danh N (Danh M) dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 430, 437, 440 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Danh N (Danh M) phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền mua bán còn nợ là 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Danh N (Danh M) phải chịu 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng. Ông Trần Văn T được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020286 ngày 18/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Danh N (Danh M) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn